

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Viện: CNSH và MT

Bộ môn: CNSH

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP 2 (THỰC NGHIỆM CNSH)**

- Tiếng Anh: **SPECIALIZED TOPIC IN BIOTECHNOLOGY EXPERIMENT**

Mã học phần: BIO3514

Số tín chỉ: 5(0-5)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết:

2. Mô tả tóm tắt học phần:

- Trong HP này, sinh viên được đi tìm hiểu và làm việc thực tế tại các cơ sở sản xuất, công ty, nhà máy về các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng của Công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống.

- Trong khoảng thời gian thực hiện chuyên đề, sinh viên sẽ được tham gia vào các dự án, đề tài NCKH hoặc thử nghiệm sản xuất đang được triển khai. Mỗi sinh viên sẽ có 1-2 GVHD. Cuối đợt, sinh viên sẽ phải viết báo cáo về quá trình thực hiện và được đánh giá bởi 2 GV chuyên môn.

- Ngoài các cơ sở, đơn vị, công ty, doanh nghiệp... sinh viên có thể đăng ký làm việc trực tiếp với các Thầy cô ở các Bộ môn, phòng thí nghiệm tại Trường, tham gia vào các hướng nghiên cứu, đề tài, dự án của thầy cô.

3. Mục tiêu:

Học phần giúp sinh viên định hướng, vận dụng các kiến thức chuyên môn đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm CNSH. Ngoài ra, HP còn rèn luyện kỹ năng tìm hiểu thông tin, thu nhận và xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học ở mức độ cơ bản (đảm bảo đúng chuẩn mực, format và đầy đủ thông tin).

4. Kết quả học tập mong đợi (KQHT): Sau khi học xong học phần này, người học có thể

- Phát hiện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tế sản xuất hoặc một vấn đề lý thuyết cụ thể.
- Tổng quan được các vấn đề liên quan, phân tích, đánh giá hiện trạng dẫn đến vấn đề cần nghiên cứu; đánh giá/đưa ra được cơ sở lựa chọn phương pháp, các thông số nghiên cứu; Xây dựng được đề cương nghiên cứu/khảo sát.
- Tổ chức thực hiện, giải quyết vấn đề cần nghiên cứu/khảo sát.
- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu/khảo sát.

5. Kế hoạch thực hiện:

| <i>STT</i> | <i>Bài/Chủ đề</i> | <i>Nhằm đạt KQHT</i> | <i>Số tiết</i> |
|------------|-------------------|----------------------|----------------|
|------------|-------------------|----------------------|----------------|

| | | | |
|---|--|-----|------------|
| 1 | Bộ môn CNSH phân công nơi thực hiện CD và GVHD | | 1-6/3/2021 |
| 2 | Thực hiện CD | a-c | 3/5-27/6 |
| 3 | Nộp báo cáo, kiểm tra đạo văn (3 lần) | d | 28/6-11/7 |
| 4 | Đánh giá vấn đáp bởi 2 GV, theo Rubric phía dưới | | 12-15/7 |

6. Đánh giá kết quả học tập:

A. Tổng thể RUBRIC đánh giá TTTN

| TT | Cán bộ | Nội dung và tỷ lệ (%) | | | | |
|----|----------------|--|-----------|----------------------------|-------------------|----|
| 1 | CBHD | Quá trình thực hiện | 50 | Chấp hành kỷ luật | 20 | |
| | | | | Thái độ của SV | 20 | |
| | | | | Chuyên môn | 60 | |
| 2 | | Hoàn thành TTTN | 50 | Nội dung báo cáo | 70 | |
| | | | | Khả năng viết và trình bày | 20 | |
| | | | | Hoàn thành đúng hạn | 10 | |
| 3 | Cán bộ chấm | | Chấm TTTN | 100 | Hình thức báo cáo | 10 |
| | | | | | Nội dung báo cáo | 30 |
| | | | | | Vấn đáp | 60 |
| 4 | Đánh giá chung | Điểm đánh giá TTTN = (Điểm của CBHD + Điểm của cán bộ chấm 1 + Điểm của cán bộ chấm 2) / 3. (Theo Quyết định số 674/QĐ-ĐHNT ngày 11/06/2018). | | | | |

B. Chi tiết RUBRIC đánh giá CDTN3

1. Quá trình thực hiện (50%)

| Tiêu chí | KQHT | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
|----------|------|-----------|----------------|-----------|-----------|----------------|------|
| | | | Rất tốt | Tốt | Đạt | Không đạt | |
| | | | 10 - 9 | 8 - 7 | 6 - 5 | < 5 | |
| Chấp | | 20 | Chấp hành | Chấp hành | Chấp hành | <i>Vi phạm</i> | |

| | | | | | | | |
|-----------------------|-----|----|--|---|---|---|--|
| hành kỷ luật | | | <i>rất tốt</i> nội quy tại nơi thực hiện chuyên đề. Làm việc đầy đủ, đúng thời gian đăng ký. Không tự ý thay đổi nội dung và địa điểm thực hiện. | <i>tốt</i> nội quy tại nơi thực hiện chuyên đề. Làm việc đầy đủ, đúng thời gian đăng ký. Không tự ý thay đổi nội dung và địa điểm thực hiện. | tốt nội quy của tại nơi thực hiện chuyên đề. Làm việc $\geq 90\%$ thời gian đăng ký, thời gian <i>vắng có xin phép và lý do</i> chính đáng. Không tự ý thay đổi nội dung và địa điểm thực hiện. | nội quy của cơ sở; hoặc làm việc $< 90\%$ thời gian đăng ký, hoặc <i>vắng không phép hoặc không lý do</i> chính đáng. Tự ý thay đổi nội dung và địa điểm thực hiện. | |
| Thái độ của SV | | 20 | Thực hiện tốt, đầy đủ các yêu cầu của GVHD. Thường xuyên trao đổi với GVHD. Chủ động, tích cực trong công việc. | Thực hiện <i>tương đối</i> tốt, đầy đủ các yêu cầu của GVHD. Thường xuyên trao đổi với GVHD. <i>Tương đối</i> chủ động, tích cực trong công việc. | Thực hiện <i>tương đối</i> đầy đủ các yêu cầu của GVHD. Trao đổi với GVHD <i>chưa</i> thường xuyên. <i>Đôi lúc</i> chưa chủ động, tích cực trong công việc. | <i>Không</i> thực hiện đầy đủ các yêu cầu của GVHD. | |
| Chuyên môn | 1-3 | 60 | Có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu/khảo sát phù hợp. Thực hiện <i>tốt</i> các nội dung của đề cương theo đúng kế hoạch. Ghi | Có khả năng xây dựng đề cương nghiên cứu/khảo sát <i>tương đối</i> phù hợp. Thực hiện <i>tương đối</i> | Đề cương nghiên cứu/khảo sát có <i>một số</i> điểm còn <i>chưa</i> phù hợp. Thực hiện các nội dung của đề cương | Đề cương nghiên cứu/khảo sát có <i>chưa</i> phù hợp. Thực hiện các nội dung của đề cương <i>không</i> theo | |

| | | | | | | | |
|------------------|--|--|---|---|--|---|--|
| | | | chép đầy đủ, rõ ràng nhất ký thực hiện. | tốt các nội dung của đề cương theo kế hoạch. Ghi chép tương đối đầy đủ, rõ ràng nhất ký thực hiện. | chưa hoàn toàn theo kế hoạch. Ghi chép tương đối đầy đủ, rõ ràng nhất ký thực hiện. | kế hoạch. Ghi chép không đầy đủ, rõ ràng nhất ký thực hiện hoặc không ghi nhật ký. | |
| Tổng cộng | | | | | | | |

2. Hoàn thành CĐTN3 (50%)

| Tiêu chí | KQHT | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
|-------------------------|------|-----------|---|---|---|--|------|
| | | | Rất tốt | Tốt | Đạt | Không đạt | |
| | | | 10 - 9 | 8 - 7 | 6 - 5 | < 5 | |
| Nội dung báo cáo | 1-4 | 70 | Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện CĐTN) rõ ràng. Nội dung đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung báo cáo. Lập luận chặt chẽ, có cơ sở rõ ràng, tin cậy. | Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện TTTN) tương đối rõ ràng. Nội dung đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu tương đối phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung báo cáo. Lập luận có cơ sở rõ ràng, tin cậy. | Đặt vấn đề chưa thực sự rõ. Nội dung đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu <i>ít</i> thích hợp cho nội dung báo cáo. Lập luận có cơ sở chưa thật rõ ràng, tin cậy, mang tính chủ quan. | Không đặt vấn đề hoặc đặt vấn đề không rõ, không liên quan. Nội dung không đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu không thích hợp cho nội dung báo cáo. Thiếu lập luận hoặc lập luận không có | |

| | | | | | | | |
|--|---|----|---|---|---|--|--|
| | | | | | | cơ sở, mang tính chủ quan. | |
| Khả năng viết và trình bày | 4 | 20 | Viết và trình bày rõ ràng, logic, đúng quy định. Chỉnh sửa \leq 2 lần. | Viết và trình bày <i>trương đối</i> rõ ràng, logic, đúng quy định. Chỉnh sửa \leq 3 lần. | Viết và trình bày <i>chưa</i> rõ ràng, logic, còn lỗi trình bày. Chỉnh sửa \leq 4 lần. | Trình bày <i>lúng củng, không logic.</i> Chỉnh sửa \geq 5 lần. | |
| Hoàn thành đúng hạn | | 10 | Nộp báo cáo trước thời gian từ 4 ngày trở lên | Nộp báo cáo trước thời gian gia hạn 1-3 ngày | Nộp báo cáo đúng hạn | Nộp báo cáo sau gia hạn | |
| Tổng cộng | | | | | | | |

3. Chấm điểm CDTN3

| Tiêu chí | KQHT | Tỷ lệ (%) | Mức chất lượng | | | | Điểm |
|------------------------------------|------|-----------------|--|--|--|--|------|
| | | | Rất tốt | Tốt | Đạt | Không đạt | |
| | | | 10 - 9 | 8 - 7 | 6 - 5 | < 5 | |
| Hình thức báo cáo | 4 | 10 | Trình bày đúng định dạng quy định, cân đối giữa các phần, không hoặc có ít lỗi chính tả, hình ảnh/biểu bảng rõ ràng. Trích dẫn tài liệu đúng quy định. Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu. | Có <i>một vài</i> lỗi trình bày nhỏ, <i>trương đối</i> cân đối giữa các phần, <i>còn một số</i> lỗi chính tả, <i>một số</i> hình ảnh/biểu bảng không rõ ràng. <i>Một số</i> tài liệu trích dẫn chưa thống nhất theo quy định. Văn phong <i>trương đối</i> | Còn <i>nhiều lỗi</i> định dạng và lỗi chính tả, <i>thiếu</i> sự cân đối giữa các phần, hình ảnh/biểu bảng <i>không</i> rõ ràng. Tài liệu trích dẫn <i>chưa</i> thống nhất theo quy định. Văn phong <i>chưa</i> mạch lạc, rõ ràng. | Trình bày chưa đúng định dạng quy định, <i>không</i> đủ các phần của một CDTN, <i>nhiều</i> lỗi chính tả, hình ảnh/biểu bảng <i>không</i> rõ ràng. <i>Không</i> trích dẫn tài liệu hoặc trích dẫn <i>chưa</i> <i>đúng</i> quy định. | |

| | | | | | | | |
|-------------------------|-----|----|---|---|---|---|--|
| | | | | mạch lạc, rõ ràng. | | Văn phong không mạch lạc, lủng củng , gây khó hiểu . | |
| Nội dung báo cáo | 1-4 | 30 | Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện TTTN) rõ ràng. Nội dung đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung báo cáo. Lập luận chặt chẽ, có cơ sở rõ ràng, tin cậy. | Đặt vấn đề (mục tiêu và lý do thực hiện TTTN) tương đối rõ ràng. Nội dung đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu tương đối phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung báo cáo. Lập luận có cơ sở rõ ràng, tin cậy. | Đặt vấn đề chưa thực sự rõ. Nội dung đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu ít thích hợp cho nội dung báo cáo. Lập luận có cơ sở chưa thật rõ ràng, tin cậy, mang tính chủ quan. | Không đặt vấn đề hoặc đặt vấn đề không rõ, không liên quan. Nội dung không đầy đủ theo quyết định được giao. Số liệu không thích hợp cho nội dung báo cáo. Thiếu lập luận hoặc lập luận không có cơ sở, mang tính chủ quan. | |
| Vấn đáp | 1-4 | 60 | Nắm vững nội dung tiểu luận và vấn đề liên quan; trả lời đúng kiến thức > 80% | Nắm vững nội dung tiểu luận; trả lời đúng kiến thức 60-80% | Nắm được nội dung tiểu; trả lời đúng kiến thức 50-60% | Chưa nắm vững nội dung tiểu luận; trả lời sai kiến thức > 50% | |
| Tổng cộng | | | | | | | |

4. Đánh giá chung

Điểm đánh giá CĐTĐN = (Điểm của CBHD + Điểm của cán bộ chấm 1 + Điểm của cán bộ chấm 2) / 3.

Trong đó,

- Điểm của CBHD = Điểm mục 1 x 50% + điểm mục 2 x 50%.

- Điểm của cán bộ chấm = Điểm mục 3.

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi họ tên)

Phạm Thị Minh Thu

(CÁC) GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi họ tên)

Phạm Thị Minh Thu